

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2022.

V/v: “*Tranh chấp về yêu cầu  
không công nhận quan hệ vợ  
chồng*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Sơn

Ông Dương Hải Long

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2021/TLHNGĐ-ST ngày 29/12/2021 về việc: “*Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Thanh L, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 22 THT, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị Thu H, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Số 102 HV, Phường y, thành phố Đà Lạt.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021 và lời khai của nguyên đơn anh Đặng Thanh L trình bày: Anh và chị Lương Thị Thu H quen nhau được 06 tháng thì quyết định tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Được sự thống nhất của hai bên gia đình anh chị có tổ chức lễ cưới ngày 27/7/2019 và dự kiến sẽ đi đăng ký sau khi tổ chức lễ cưới.

Sau đó ngày 01/9/2019 thì bố chị H cùng chị H đến nói chuyện với gia đình anh để kết thúc cuộc hôn nhân và không đi đăng ký kết hôn nữa, đồng thời trả hết lễ cưới hỏi cho gia đình anh.

Nay anh khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung:

Theo anh L thì anh và chị H có con chung tên Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020 nhưng không rõ chị H làm khai sinh cho con đầy đủ cha mẹ không. Anh cũng đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

*\*Theo bị đơn chị Lương Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Đặng Thanh L tổ chức hôn lễ vào ngày 27/7/2019 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn thì anh chị sống chung tại nhà chị tại thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình sống chung thì anh L không quan tâm đến gia đình cũng như có những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng chị cũng như gia đình chị H. Trong thời gian chung sống được 03 tuần anh L thường xuyên không về nhà nên vợ chồng mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn vợ chồng gia đình chị đã sang nhà anh L để nói chuyện nhưng anh L cũng không thay đổi.

Sau đó hai tuần thì chị cùng gia đình chính thức sang nhà anh L trả lễ cũng như thông báo chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Hiện tại chị đang là nhân viên hàng không cảng hàng không LK từ tháng 11/2018, thu nhập hàng tháng 10.000.000đ đến 14.000.000đ. Ngoài ra, chị còn có thu nhập khác từ việc kinh doanh.

Về con chung: Chị cũng xác định anh chị có 01 con chung là cháu Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020.

Trong thời gian chị mang thai thì anh L chối bỏ trách nhiệm với con. Từ khi sinh con tới nay thì anh L cũng như gia đình anh L không hỏi thăm, quan tâm đến cháu Nh. Trong thời gian này thì anh L cũng có những lời lẽ, tin đồn gây ảnh hưởng đến anh dự, uy tín của chị cũng như bố chị. Nên chị xin Tòa án hạn chế quyền cha mẹ đối với con chưa thành niên đối với anh L.

Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Nh và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Về con chung: Anh đồng ý giao con chung Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Về con chung: Chị đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời đề nghị Tòa án hạn chế quyền anh L đối với con chưa thành niên. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhận định:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi thụ lý tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đương sự và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Về con chung: Giao con chung Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020 cho chị Lương Thị Thu H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không ai yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh L và bị đơn chị H không đăng ký kết hôn, nay anh L có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị H. Hiện nay bị đơn cư trú tại thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh L thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh L và chị H không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện, có sự chứng kiến của gia đình cùng bạn bè. Tuy nhiên, theo anh L thì vợ chồng chỉ sống chung trong thời gian ngắn và cho đến nay thì hai bên không đăng ký kết hôn. Nay anh L cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H.

Còn theo chị H cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân như anh L trình bày là đúng. Còn về mâu thuẫn thì trong quá trình sống chung thì anh L không quan tâm đến gia đình cũng như có những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng chị cũng như gia đình chị H.

Theo Công văn số 55/UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt thể hiện: Ngày 14/8/2019 chị H có đến Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt làm thủ tục xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Đặng Thanh L, sinh ngày 02/3/1993, CMND số 250963953; trú tại thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Anh L và chị H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt. Ngày 26/6/2020 chị H đến Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt đăng ký khai sinh cho cháu Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020. Giấy khai sinh số 102, quyển số 01/2020 ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt, trên giấy khai sinh phần thông tin người cha để trống (chị H không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn, giấy tờ chứng minh quan hệ cha, con).

Theo nội dung Công văn số 42/UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng đều xác nhận anh L và chị H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật thì nam, nữ xác lập quan hệ vợ chồng phải đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân gia đình và pháp luật về hộ tịch nhưng anh L và chị H có tổ chức lễ thành hôn và chung sống với nhau từ tháng 7/2019, tuy nhiên hiện nay anh L, chị H không sống chung, không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và bị đơn chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Thanh L, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị H. Đối với yêu cầu của chị H là đề nghị Tòa án hạn chế quyền anh L đối với con chưa thành niên là không có căn cứ xem xét.

[2.2]. Về con chung:

Anh L và chị H đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020. Anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Xét thấy, cháu Lương Thiện Nh mới 22 tháng tuổi và đã sống với chị H từ trước tới nay. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, không làm xáo trộn môi trường sinh sống và việc nuôi dạy cháu Nh trưởng thành nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Nh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Theo chị H thì từ lúc chị có bầu và sinh con đến nay anh L không quan tâm đến con nên đề nghị Tòa án hạn chế quyền anh L đối với con chưa thành niên. Theo quy định tại Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “1. Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

a) Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

b) Phá sản tài sản của con;

c) Có lối sống đồi trụy;

d) Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

2. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 86 của Luật này ra quyết định không cho cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án có thể xem xét việc rút ngắn thời hạn này”.

Chị H đề nghị Tòa án hạn chế quyền anh L đối với con chưa thành niên nhưng chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, anh L cũng không thuộc các trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên theo quy định trên. Do đó, anh L vẫn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị H đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9; 51, 53; 58; 71; 81; 82; 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Thanh L. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị H.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Thiện Nh, sinh ngày 10/5/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Anh Đặng Thanh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001393 ngày 24/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L và chị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Dương Thị Liên**

